

Số: 1140 /TB -VP

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 Đơn vị được thông báo: Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận Mã chương:414

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 25/04/2022 giữa Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận và Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;

Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận sản như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 850.198.000 đồng

Trong đó: Thu phí, lệ phí : 850.198.000 đồng

- Số nộp ngân sách nhà nước: 401.584.800 đồng

- Số phí được khấu trừ, để lại: 4.038.000 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

- Nguồn cải cách tiền lương: 1.615.200 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 307.158.567 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 6.609.515.500 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 5.304.140.000 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 1.305.375.500 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 5.590.353.209 đồng;

- Cam kết chi phần mềm công chứng tỉnh: 757.280.000 đồng

- Kinh phí bị hủy: 49.202.965 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:
519.837.893 đồng,

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

- Đối với chi ngân sách nhà nước năm 2022 giao Văn phòng Sở Tư pháp thực hiện đúng các khoản chi theo nhiệm vụ được giao.

II. Thuyết minh tăng so với dự toán nguồn Ngân sách nhà nước

SỐ TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thuyết minh tăng giảm so với dự toán
A	B	1	2	3
A	B	1	2	3
II.1	Chi đặc thù ngoài định mức (1)			
1.1	Thanh toán dịch vụ công cộng	50.000.000	28.963.080	
	Xăng xe Công tác trong và ngoài tỉnh bình quân 2.400.000đ/tháng x 12 tháng	48.000.000	28.173.080	
	Rửa xe trong năm 20 lần x 80.000đ/lần	1.000.000	450.000	
	Phí cầu đường 1 năm	1.000.000	340.000	
1.2	Vật tư văn phòng	60.000.000	64.472.088	
	- Giấy photo: 80 thùng x 400.000đ/thùng = 32.000.000đ '- Mực máy in vi tính, mực photo: 20.000.000đ Văn phòng phẩm cho phòng nghiệp vụ: 12.472.088đ	60.000.000	64.472.088	
1.3	Trang phục Thanh tra	20.000.000	19.850.000	
1.4	Thông tin tuyên truyền	46.260.000	95.589.587	
	Cước phí bưu chính	36.000.000	61.853.657	
	Cước phí Internet, thuê đường truyền mạng, điện thoại,	10.260.000	8.855.930	
	Tuyên truyền, quảng cáo		24.880.000	
1.5	Hội nghị Tổng kết thi đua khu vực miền đông Nam bộ	60.000.000	30.000.000	Giảm so với dự toán do chuyển 30 triệu chi qua

				nguồn KP tự chủ
	Chi thuê Hội trường, tiếp khách, PV HN...	60.000.000	30.000.000	
1.6	Tập huấn kiến thức PL cho các xã	39.650.000	60.750.000	
	In, photo tài liệu tuyên truyền cho Xã, Phường, Thị trấn:	13.650.000	19.600.000	
	Báo cáo viên	12.000.000	27.150.000	
	Các khoản thuê mướn khác cắt dán khẩu hiệu Băng rôn, Hội trường	10.000.000	13.000.000	
	Các khoản khác thuê quét dọn hội trường, vệ sinh	4.000.000	1.000.000	
1.7	Công tác phí	79.000.000	72.776.000	
	Vé máy bay, tàu xe (công tác Hà Nội, Tp HCM, Huế, Đà lạt tập huấn theo GM của Bộ Tư pháp)	30.000.000	25.652.000	
	Phụ cấp công tác phí trong và ngoài tỉnh cho việc thanh, kiểm tra các loại nghiệp vụ như: Quản lý Hộ tịch, Công tác chứng thực, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Luật sư, Quản lý xử lý vi phạm hành chính ...; đi CT Hà Nội, TPHCM, Huế, Đà Lạt....	24.000.000	22.560.000	
	Tiền phòng ngủ công tác ngoài tỉnh	25.000.000	24.564.000	
1.8	Sửa chữa tài sản và mua sắm tài sản	118.000.000	97.407.500	
	Máy tính, máy in và thiết bị tin học của các phòng nghiệp vụ	24.000.000	19.560.000	
	Mua 03 bộ máy vi tính	45.000.000	42.847.500	
	Mua 07 bộ bàn ghế làm việc	49.000.000	35.000.000	
2.	Nghiệp vụ chuyên môn từng lĩnh vực của ngành: Quyết định số 03/2013 QĐ-UBND ngày 21/01/2013; Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 ngày 18/8/2017; Thông tư Liên tịch số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính) - Quyết định số 26/2020 QĐ-UBND ngày 30/7/2020	907.000.000	902.790.000	
	Thanh toán với bên ngoài: '- Hợp đồng với Nhà Xuất bản Tư pháp mua mẫu Hộ tịch Giấy Khai sinh, Khai tử, Kết hôn bản chính và các loại cấp phát miễn phí cho cơ sở	150.000.000	215.660.000	
	Thanh toán nội bộ phần nghiệp vụ - Công tác góp ý văn bản :	511.500.000	303.060.000	

	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác thẩm định văn bản : - Công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa Văn bản : gồm : + Tự kiểm tra VB của UBND tỉnh : <li style="padding-left: 20px;">+ Kiểm tra VB của 7 huyện Thành phố : - Rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ban ngành và các lĩnh vực: - Xây dựng Văn bản lĩnh vực PL phục vụ nghiệp vụ: 45.000.000đ '- Công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp : 30.000.000đ '- Kiểm soát thủ tục Hành chính: 1.500.000đ/tháng x 12 tháng = '- Công tác PBGDPL: 60.000.000đ '-Quản lý, Xử lý vi phạm Hành chính 87.800.000đ ' Thanh tra : 15.000.000đ '- Công tác Bổ trợ Tư pháp : 72.800.000đ 			
	<p>Hoạt động Hội đồng PBGDPL của tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khen thưởng cho các cơ quan đơn vị đạt thành tích XS trong công tác tuyên truyền của Hội đồng PBGDPL tỉnh Ninh Thuận: 18.000.000đ '- Cá nhân : 10 cá nhân 4.470.000đ '- Tập thể : 10 tập thể 11.920.000đ '- Khung và in khen : 1.610.000đ '-Hội thảo các phiên họp : 20.000.000đ '-Xây dựng, Soạn thảo, viết báo cáo CT, KH hoạt động của HĐ tỉnh : '-Tập huấn nghiệp vụ : 104.670.000đ '-Tọa đàm Ngày Pháp Luật và tuyên truyền PBGDPL : 25.000.000đ Hội thi tìm hiểu kiến thức PL: 62.000.000đ '-Phối hợp Đài PTTH , Báo Ninh Thuận : 86.000.000đ '- Quyết định số 26/2020 QĐ-UBND ngày 30/7/2020; quy định một số mức chi thực hiện công tác PBGDPL và xây dựng cấp xã đạt chuẩn pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. (94.300.000đ) '- Giấy mực photo, vi tính công tác của HĐPBGDPL : 	395.500.000	384.070.000	
2.1	Kinh phí Phòng cháy chữa cháy	20.000.000	16.968.000	
2.2	Kinh phí Chương trình mục tiêu	10.000.000	11.140.000	

2.3	Cải cách tiền lương (Kinh phí Đặc thù)	153.000.000	0	
3	Kinh phí Đảng	58.180.000	46.354.280	Giảm so với dự toán do giảm các khoản chi
	Phụ cấp 9 Đảng ủy viên và 1 kế toán (2,8 x 1.390.000đ x 6 tháng) = 23.352.000đ Phụ cấp 9 Đảng ủy viên và 1 kế toán (2,8 x 1.490.000đ x 6 tháng) = 25.032.000đ	48.384.000	36.554.280	
	Mua báo chí và các tài liệu tuyên truyền và những khoản khác phục vụ công tác của Đảng ủy	4.000.000	180.000	
	Khen thưởng của Đảng ủy cho các tập thể và cá nhân có thành tích tốt trong hoạt động của Đảng	5.796.000	4.470.000	
	Chi tổ chức Đại hội Đảng		4.250.000	
	Chi khác		900.000	
4	Nâng cấp phần mềm công chứng tỉnh	1.900.000.000	31.261.000	
	Tổng Cộng	3.720.090.000	1.478.321.535	

- Đối với khoản thu phí, lệ phí: Văn phòng Sở Tư pháp thực hiện đúng chế độ thu -nộp- trích để lại sử dụng theo quy định.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Không có

- Không thực hiện trích lập các quỹ

(Số liệu chi tiết theo Mẫu theo Mẫu biểu 1b ban hành kèm theo Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính).

IV. Nhận xét và kiến nghị:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đúng thời gian
- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đầy đủ
- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán cấp I).

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hiếu

